NEW ISUZU D-MAX

GIỮ NHỊP VẬN HÀNH

TẢI TRỌNG LÊN ĐẾN

1.095 Kg

DIỆN MẠO ẤN TƯỢNG

Thiết kế mạnh mẽ, hiện đại và đậm chất bán tải, góp phần nâng tầm hình ảnh chuyên nghiệp.

ĐỘNG CƠ ISUZU DIESEL 1.9L

Động cơ ISUZU với độ bền cao, khả năng vận hành ổn định và tiết kiệm nhiên liệu.

KHUNG GẦM KÍCH THƯỚC LỚN

Tăng độ cứng vững và chắc chắn, nâng cao khả năng vận hành, ổn định và bền bỉ.

TẢI TRỌNG LÊN ĐẾN 1.095 KG

Hỗ trợ chuyên chở nhiều hơn, tối ưu hiệu quả mỗi chuyến đi.

KÍCH THƯỚC THÙNG HÀNG LỚN

Không gian thùng dài và rộng, phù hợp vận chuyển nhiều loại hàng như vật tư, nông sản, hàng tiêu dùng, thiết bị...

TRANG BỊ 12 MÓC CHẰNG HÀNG

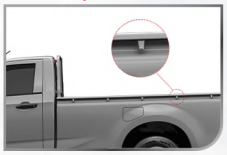

Thuận tiện cố định nhiều loại hàng hóa khác nhau.

GHẾ NGỒI VỚI CHẤT LIỆU VINYL

Có độ bền cao, dễ lau chùi và vệ sinh nhanh sau quá trình sử dụng hằng ngày.

BẢO HÀNH 5 NĂM HOẶC 200.000 KM

An tâm đồng hành, vững tâm kinh doanh trên mọi hành trình.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / *SPECIFICATION*		D-CARGO 1000 4x2 MT
KÍCH THƯỚC / *DIMENSION*		
Kích thước tổng thể (DxRxC) *Overall dimension (LxWxH)*	mm	5.340 x 1.810 x 1.695
Lọt lòng thùng (DxRxC) *Inside cargo dimension (LxWxH)*	mm	2.330 x 1.590 x 465
Chiều dài cơ sở / *Wheelbase*	mm	3.125
Vệt bánh xe trước-sau / *Front-Rear tread*	mm	1.555/1.555
Khoảng sáng gầm / *Ground clearance*	mm	195
Bán kính vòng quay tối thiểu *Min. turning radius*	m	6.0
TRỌNG LƯỢNG / *MASS*		
Trọng lượng bản thân / *Kerb mass*	kg	1.705
Trọng lượng toàn bộ / *Gross vehicle mass*	kg	2.930
Tải trọng / *Payload*	kg	1.095
Dung tích thùng nhiên liệu / *Fuel tank capacity*	Lít / *Liter*	76
Số chỗ ngồi / *Number of seats*	Người / *Persons*	02
ĐỘNG CƠ VÀ VẬN HÀNH / *ENGINE AND PERFORMANCE*		
Mã động cơ / *Model*		RZ4E - TC
Kiểu loại / *Type*		Động cơ dầu 1.9L, 4 xy lanh thẳng hàng, làm mát khí nạp, turbo biến thiên, hệ thống phun nhiên liệu điện tử *Diesel 1.9L, In-line 4 cylinders, Intercooler VGS turbo, Common rail*
Dung tích xy-lanh / *Displacement*	cc	1.898
Công suất cực đại / *Max. Power*	PS(KW) / rpm	150(110)/3.600
Mô men xoắn cực đại / *Max. Torque*	Nm / rpm	350/1.800-2.600
Công thức bánh xe / *Drivetrain system*		4x2
Máy phát điện / *Generator*		12V-90A
Tiêu chuẩn khí thải / *Emission Standard*		EURO 5
Hộp số / *Transmission*		Số sàn 6 cấp / *6-speed MT*
KHUNG GẦM / *CHASSIS*		
Hệ thống treo *Suspension system*	Trước / *Front* Sau / *Rear*	Hệ thống treo độc lập, tay đòn kép, lò xo xoắn / *Independent, double wishbone with coil spring* Hệ thống treo phụ thuộc, nhíp lá / *Dependent, Leaf spring*
Hệ thống phanh *Brake system*	Trước / *Front* Sau / *Rear*	Đĩa / *Disc* Tang trống / *Drum*
Trợ lực lái / *Assisted steering type*		Thủy lực / *Hydraulic*
Lốp / *Tire*		195R15C
NGOẠI THẤT / *EXTERIOR*		
Cụm đèn trước / *Headlamp*		Halogen
Tay nắm cửa ngoài / *Outside door handle grip*		Màu đen / *Black*
Tay nắm cửa bửng sau / *Tail gate handle*		Cùng màu thân xe / *Body color*
Cản sau / *Rear bumper*		Tích hợp 2 bậc bước / *Integrated 2 steps*
NỘI THẤT / *INTERIOR*		
Vô lăng / *Steering wheel*	Loại / *Type*	Nhựa mềm / *Urethane*
Màn hình hiển thị đa thông tin *Multi information display*		Màn hình 3,5 inch / *3,5 inch display*
Ghế / *Seat*	Hàng ghế thứ 1 / *1st row* Chất liệu ghế / *Seat material*	Ghế lái chỉnh cơ 4 hướng *Manual 4-ways driver seat* Chất liệu Vinyl / *Vinyl*
TIỆN ÍCH / *CONVENIENCE*		
Cửa sổ điều chỉnh điện / *Power window*		Tự động hạ phía người lái *Auto down for driver side*
Đèn chờ dẫn đường / *Follow me home*		Có / *With*
Hệ thống điều hòa / *Air conditioner*		Thủ công / *Manual*
Số loa / *Number of speakers*		02
Ổ cắm điện / *Power outlet (12V,120W)*		Có / *With*
AN TOÀN / *SAFETY*		
Túi khí / *Airbags*		02
Hệ thống chống bó cứng phanh / *ABS (Anti-lock Braking System)*		Có / *With*
Hệ thống phân bố lực phanh điện tử / *EBD (Electronic Brakeforce Distribution)*		Có / *With*
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp / *BA (Brake Assist)*		Có / *With*
Hệ thống phanh thông minh / *BOS (Brake Override System)*		Có / *With*
Khóa cửa trung tâm / *Central door lock*		Có / *With*
Tự động mở cửa khi túi khí bung / *Door lock release when airbag deploy*		Có / *With*

**Lưu ý: (1)Thông số kỹ thuật & màu sắc có thể thay đổi mà không báo trước, (2) Do chất lượng in nên màu của mẫu in này có thể khác so với màu xe thực tế.*

ISUZU CARE

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM

695 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Tp. Hồ Chí Minh
(84-28) 3 895 9203
www.isuzu-vietnam.com
IsuzuVietnamCompany
IsuzuVnCo

Màu sắc / Color